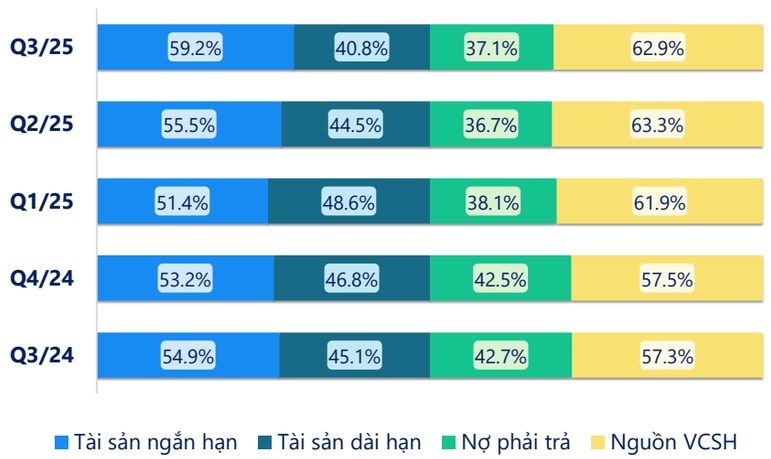
FireAnt

CTCP Nam Việt (HSX: ANV)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	28,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,734
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,202
SL cổ phiếu LH	266,255,750
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,567,320
% sở hữu nước ngoài	4.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,681
P/E	10.2
EPS	2,831

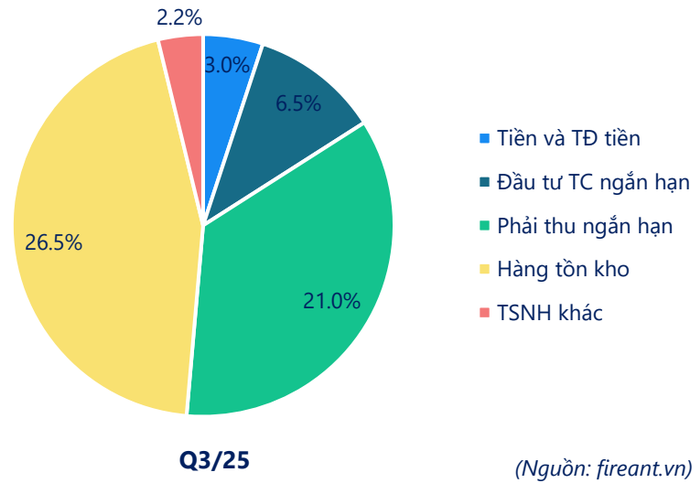
	YTD	1T	3T	6T
ANV	48.8%	9.2%	29.7%	77.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



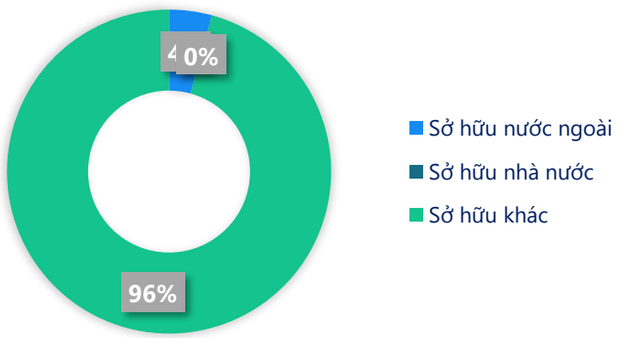
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



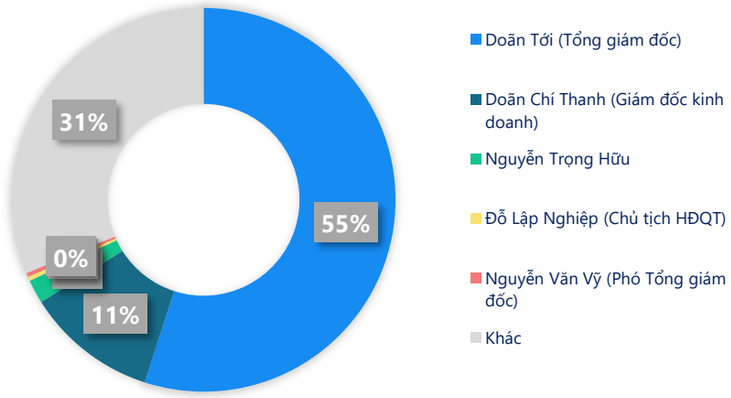
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



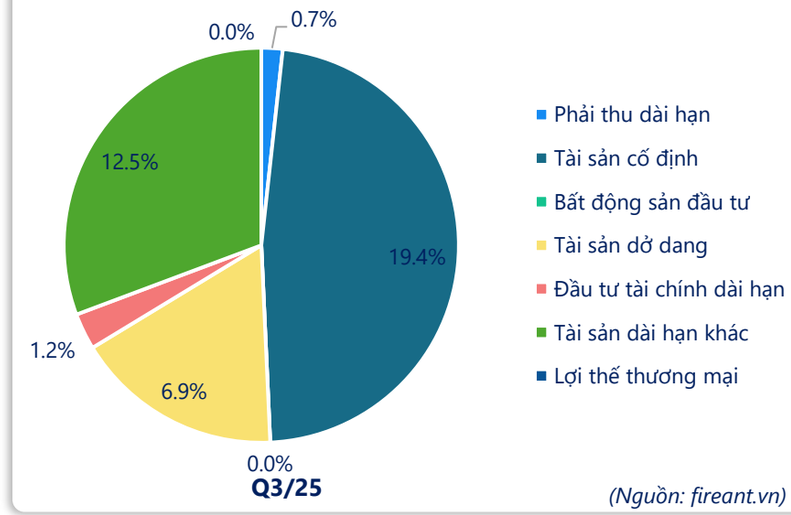
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

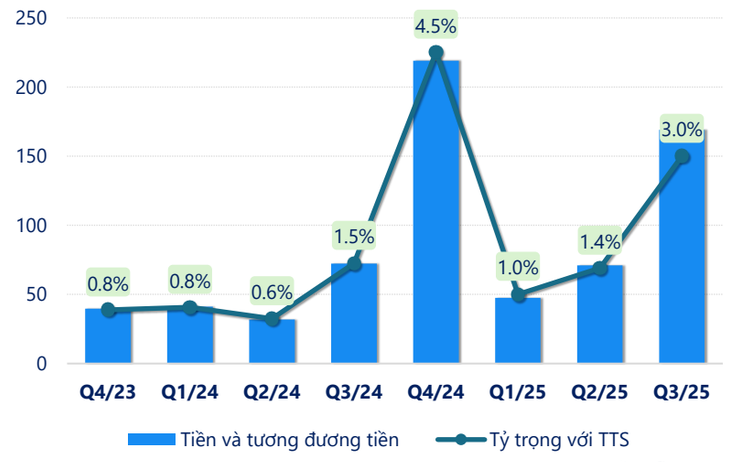


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

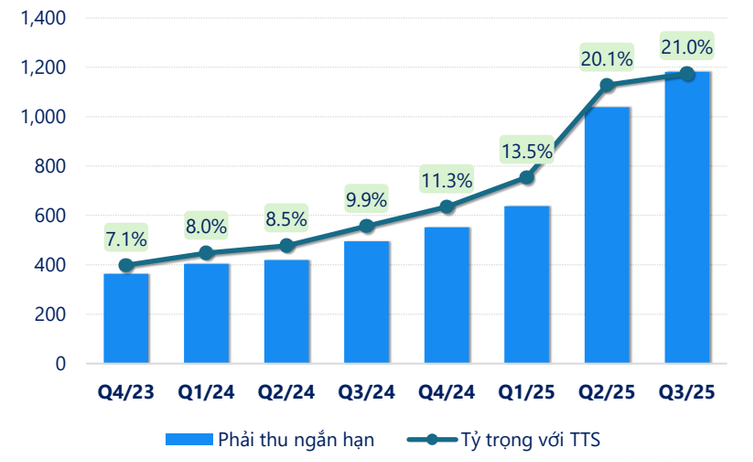
CTCP Nam Việt (HSX: ANV)

Tiền và tương đương tiền



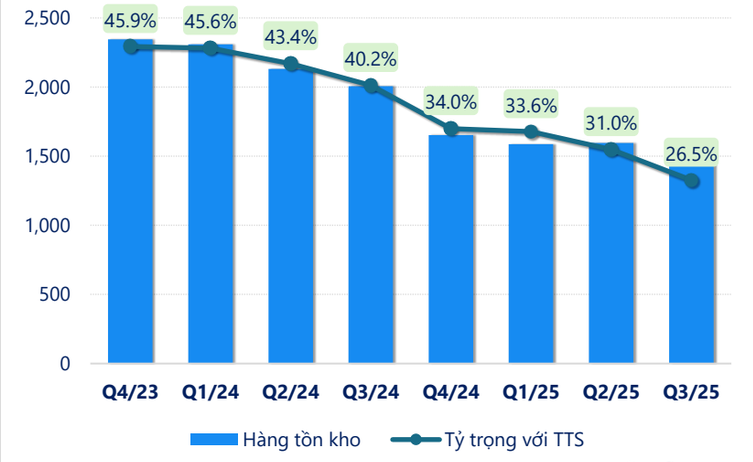
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



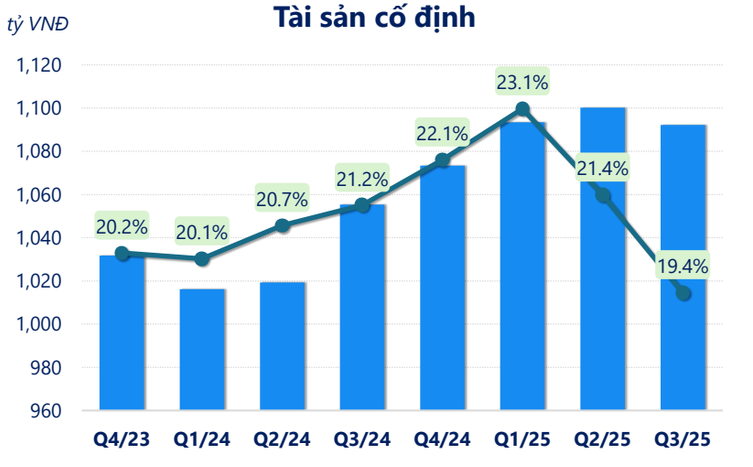
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



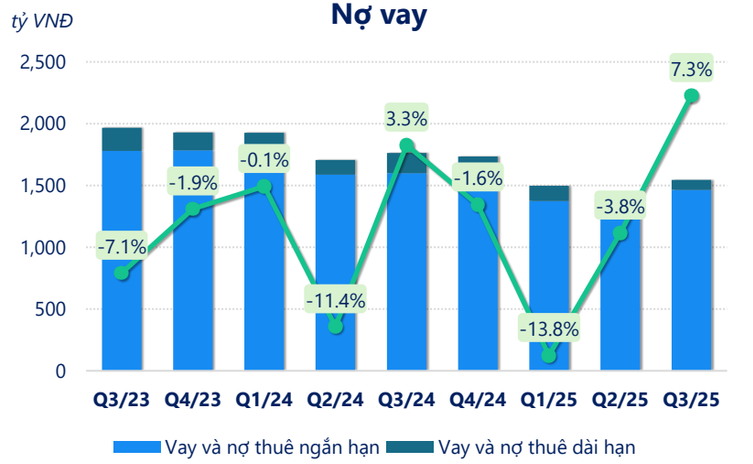
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



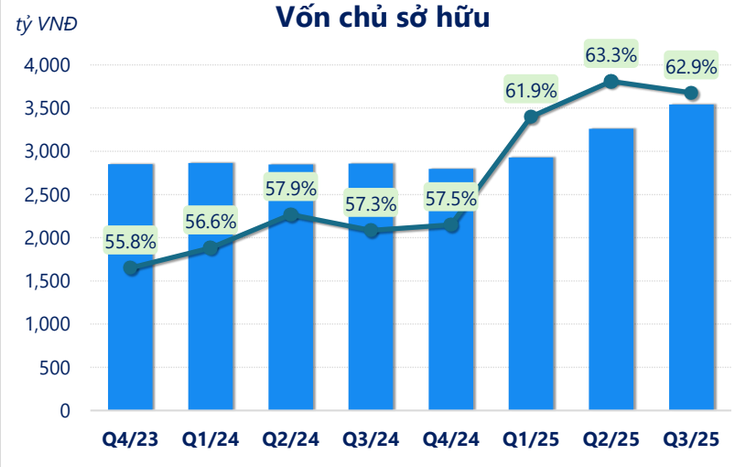
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

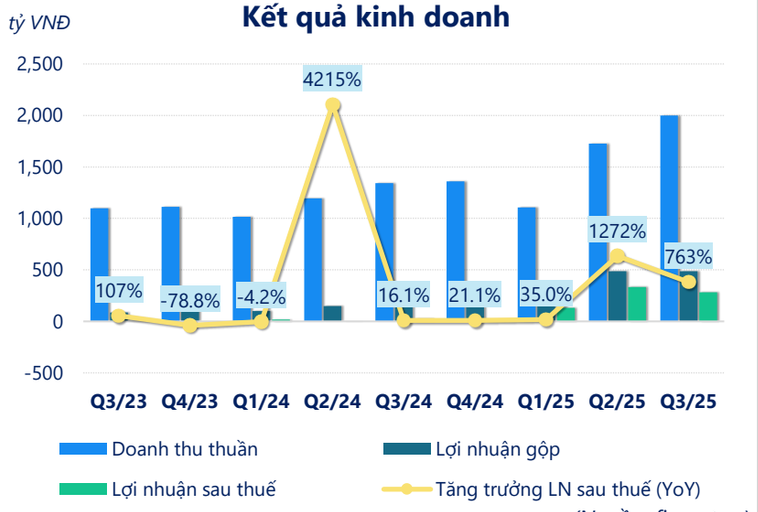


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

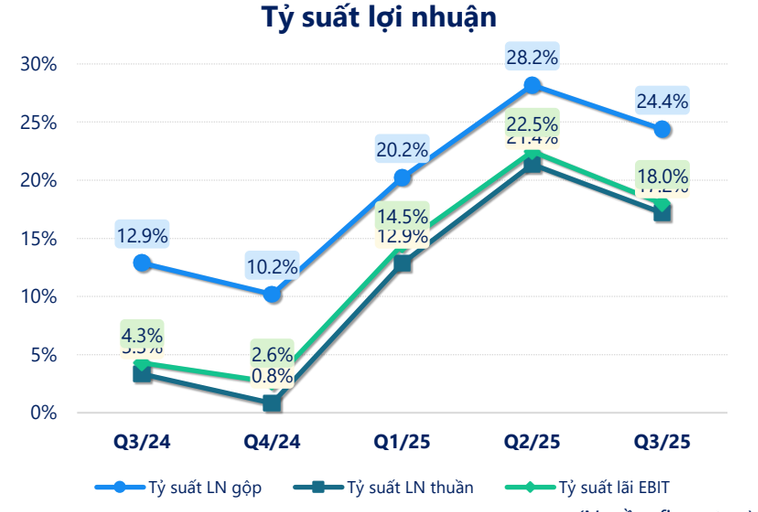
CTCP Nam Việt (HSX: ANV)

Kết quả kinh doanh



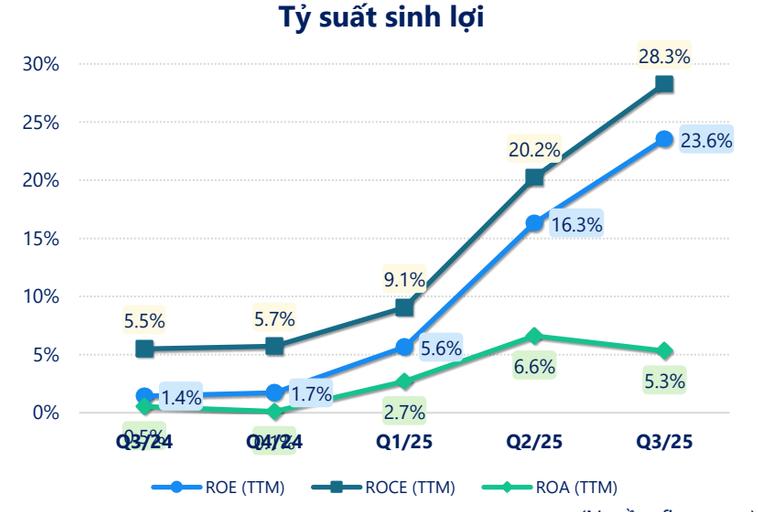
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



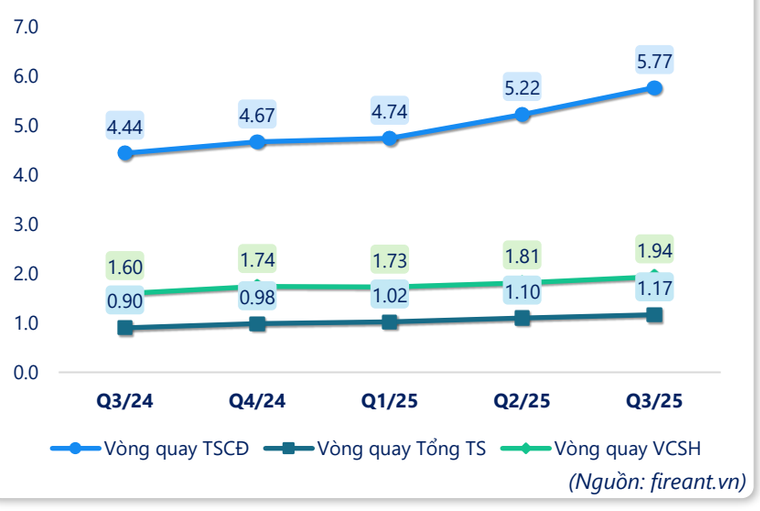
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



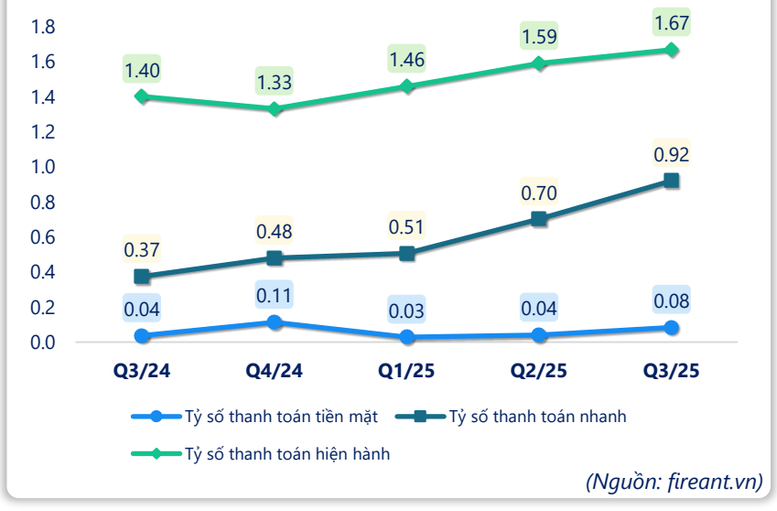
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



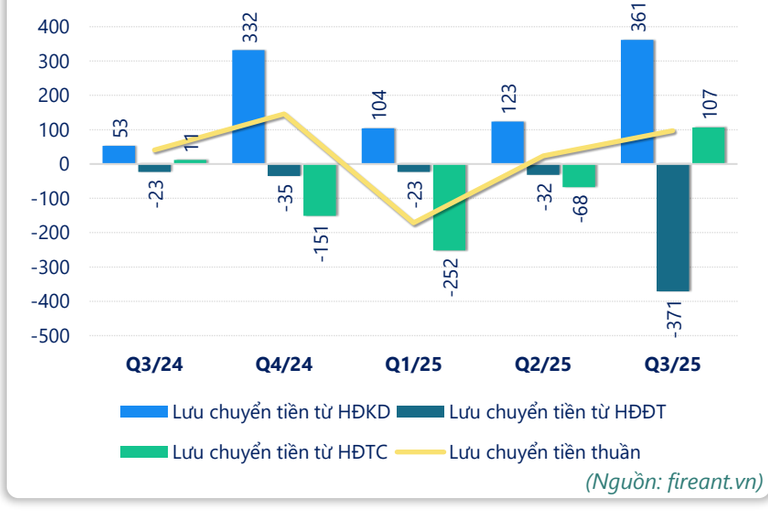
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Nam Việt (HSX: ANV)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,633**	**4,862**	**15.9%**
Tài sản ngắn hạn	3,336	2,586	29.0%
Tiền và tương đương tiền	169	219	-22.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	363	56.1	548%
Phải thu ngắn hạn	1,182	552	114%
Hàng tồn kho	1,495	1,653	-9.6%
Tài sản ngắn hạn khác	127	105	20.2%
Tài sản dài hạn	**2,298**	**2,277**	**0.9%**
Phải thu dài hạn	40.0	67.3	-40.6%
Tài sản cố định	1,092	1,073	1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	391	974	-59.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	68.5	67.8	1.0%
Tài sản dài hạn khác	**706**	**93.8**	**652%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,092	2,066	1.3%
Nợ ngắn hạn	**1,999**	**1,941**	**3.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,465	1,624	-9.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	253	150	68.4%
Nợ dài hạn	92.5	125	-26.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	78.2	111	-29.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,542**	**2,797**	**26.6%**
Vốn chủ sở hữu	**3,542**	**2,797**	**26.6%**
Vốn điều lệ	2,667	2,667	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,341	1,361	1,106	1,726	2,000
Giá vốn hàng bán	1,168	1,222	883	1,240	1,513
Lợi nhuận gộp	173	139	224	486	487
Doanh thu HĐTC	2.42	14.2	4.61	14.4	13.3
Chi phí TC	28.1	23.6	17.4	19.3	16.7
Chi phí lãi vay	20.5	21.9	15.8	18.2	16.1
LN trong công ty LKLD	0	-1.99	0	-0.14	0
Chi phí bán hàng	82.1	95.0	50.5	95.0	119
Chi phí QLDN	20.1	21.2	18.2	17.5	21.0
LN thuần từ HĐKD	44.8	11.1	142	369	344
Lợi nhuận khác	-7.65	2.65	2.02	0.91	-0.23
LN trước thuế	37.1	13.8	144	370	343
Lợi nhuận sau thuế	27.9	5.91	132	333	283
LNST của CĐ cty mẹ	27.9	5.91	132	333	283

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	52.6	332	104	123	361
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.1	-34.9	-23.5	-32.1	-371
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	11.4	-151	-252	-67.7	107
Tiền đầu kỳ	31.9	72.4	219	47.5	71.1
Lưu chuyển tiền thuần	**40.9**	**146**	**-171**	**23.4**	**97.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.50	0.85	-0.22	0.21	0.63
Tiền cuối kỳ	72.4	219	47.5	71.1	169

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic